

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/ DS-ST
Ngày: 18/12/2020
(V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Bà Mông Thị Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Xuân Giao; Ông Phạm Quốc

Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thái Bình
- *Đại diện VKSND thành phố Hòa Bình tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Hạnh - *Kiểm sát viên* Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST- DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53 /2020/QĐST ngày 09 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 HV, phường LTT, Quận HK , HN.

Đại diện theo ủy quyền: Bà NTTH - trưởng phòng khách hàng cá nhân chi nhánh ngân hàng tại HB.

Địa chỉ: Đường LTT, phường HN, Thành phố HB, tỉnh HB; Có mặt.

Bị Đơn:

Bà VTTH

Địa chỉ: Tổ 14 (trước đây), nay là tổ 17 phường PL, thành phố HB, tỉnh HB; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông HAD - sinh năm 1993

- Ông HTL- sinh năm 1992

Đều có địa chỉ: Tổ 14 (trước đây), nay là tổ 17, phường PL, thành phố HB, tỉnh HB; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 5/6/2020 và các bản tự khai cũng như qua quá trình tố tụng của vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn là ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh HB, do bà NTTH đại diện, trình bày: Năm 2017 ông HVS là chồng của bà VTTH, có vay vốn tại ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC ngày 17/01/2017, số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Mục đích vay: tiêu dung.; Nguồn trả nợ: từ lương do nhà máy thủy điện HB (là đơn vị ông S công tác) chi trả.

Đến tháng 9 năm 2017 ông HVS chết (do ốm). Vì trường hợp chết của ông S là trường hợp bị loại trừ không thuộc danh mục nguyên nhân chết được bảo hiểm, do đó khoản nợ vay của ông S là những người có quyền lợi và nghĩa vụ với ông S là bà H và ông L, ông D phải chịu trách nhiệm.

Sau khi ông S chết, Ngân hàng đã ra nhiều thông báo, làm việc với bà VTTH, bà H đã xác nhận khoản nợ do ông S để lại và cam kết chịu trách nhiệm trả nợ nhưng cho đến nay bà H vẫn không chịu trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng BIDV khởi kiện tại Tòa án Thành phố HB yêu cầu bị đơn cùng những người liên quan có trách nhiệm thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi tính đến ngày trả đủ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Trong đơn khởi kiện, ngân hàng yêu cầu số tiền tạm tính đến hết ngày 31/5/2020 tổng nợ phải trả là 60.108.921đ. Trong đó nợ gốc: 41.367.037đ; Nợ lãi: 18.741.884đ.

Kèm theo đơn khởi kiện, phía Ngân hàng cung cấp bản hợp đồng cấp hạn mức thấu chi được ký kết giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh HB với ông HVS ngày 17/01/2017; Các thông báo nợ của Ngân hàng và các biên bản làm việc của Ngân hàng với bà VTTH; Cùng với các giấy tờ chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bị đơn.

Bị đơn bà VTTH cùng các con của ông S và bà H là ông HAD, ông HTL đã được Tòa án nhân dân thành phố HB triệu tập đến trụ sở làm việc vào các ngày: 7/8/2020; ngày 23/9/2020 nhưng bà VTTH, ông HAD, ông HTL đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân Thành phố HB tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà H và ông D, ông L cư trú, tổ trưởng tổ 17, phường PL, Thành phố HB cung cấp thông tin: Bà VTTH cùng các con L, D đi làm ăn xa nghe nói ở HN, ít khi có mặt ở nhà. Bà NTH là mẹ chồng bà H mới chuyển đến sống tại nhà số 47 đường TQK, thành phố HB, nhưng bà H không chịu nhận thay loại văn bản giấy tờ gì Tòa án gửi cho chị H và các con, bà H không chịu ký bất kể loại văn bản gì.

Tòa án nhân dân Thành Phố HB đã thực hiện niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Ngày 09/10/2020 Tòa án Thành phố HB ra Quyết định số 53/2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử hồi 8 giờ ngày 26/10/2020. Sau khi niêm yết Quyết định xét xử, bà VTTH, ông L, ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ I; Tòa án tiến hành thực hiện niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử. Ngày 25/11/2020 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa do nguyên đơn đề nghị hoãn; Ngày 18/12/2020 Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vụ án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà NTTH – đại diện của Ngân hàng có bổ sung về phần lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

Dư nợ gốc : 41.367.037,đ (Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng)

Dư nợ lãi : 22.821.947 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi một đồng, chín trăm bốn mươi bảy đồng)

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 64.188.984,đ (Sáu mươi tư triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng)

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ đúng quy định của BLTTDS. Cụ thể: Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại các điều 28,35,39 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý, chuyển hồ sơ cho VKS đúng theo quy định tại điều 203 BLTTDS; Việc niêm yết, tổng đạt Quyết định, đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đảm bảo đúng quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư kí phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71,BLTTDS; Bị đơn đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình vi phạm điều 72 BLTTDS.

Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: - Áp dụng điều 280,463,465,466,468 BLDS năm 2015; điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- chi nhánh tại HB : Buộc bà VTTH phải trả cho Ngân hàng 64.188.984 đ(Sáu mươi tư triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng). Trong đó dư nợ gốc là 41.367.037,đ (Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng); dư nợ lãi là 22.821.947 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi một đồng, chín trăm bốn mươi bảy đồng).

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn , giảm , nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà VTTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ngày 17/01/2017, ông HVS là chồng của bà VTTH, có vay vốn tại ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC, số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) . Mục đích vay : tiêu dùng; Nguồn trả nợ: từ lương do nhà máy thủy điện HB(là đơn vị ông Sơn công tác) chi trả. Hợp đồng vay thấu chi qua lương ,không có kí xác nhận đảm bảo của Giám đốc Công ty thủy điện HB.

Đến tháng 9 năm 2017 ông HVS chết (do ốm). Căn cứ Quy tắc bảo hiểm người vay vốn theo hạn mức ,vì trường hợp chết của ông S là trường hợp bị loại trừ không thuộc danh mục nguyên nhân chết được bảo hiểm. Do đó khoản nợ vay của ông S là những người có quyền lợi và nghĩa vụ với ông S là bà H và ông L, ông D là vợ và các con của ông S có địa chỉ tại : Tổ 14 trước đây, nay là tổ 17, phường PL, thành phố HB, tỉnh HB phải chịu trách nhiệm. Việc khởi kiện của Ngân hàng BIDV là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 3 điều 26; điều 35, điều 39 của BLTTDS, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HB. Hội đồng xét xử xác định vụ án là quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo điều 463 Bộ luật dân sự.

[2]. *Về phạm vi khởi kiện:* Ngân hàng BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà VTTH cùng ông HAD, ông HTL là vợ và các con của ông HVS trả số tiền nợ gốc và lãi do ông S đã vay ngân hàng tại hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC.

[3] *Về nội dung vụ án:* Sau khi xem xét đơn khởi kiện của Ngân hàng BIDV, Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi được lập ngày 17/01/2017 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam- chi nhánh HB với bên vay là: ông HVS, công tác tại phân xưởng vận hành – Công ty Thủy điện HB. Hai bên thỏa thuận kí kết hợp đồng cấp hạn mức thấu chi với số tiền tối đa là 50.000.000 đồng ; Mục đích sử dụng thấu chi: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân bên vay và gia đình. Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi có quy định tại mục 5 : chấm dứt hạn mức thấu chi trong trường hợp: j) Bên vay qua đời, mất tích hoặc không liên lạc được từ 02 tháng trở lên;

Sau khi ông S chết, Ngân hàng đã thực hiện việc ra các thông báo về khoản tiền nợ gốc, lãi nợ, nợ quá hạn đến bà VTTH. Ngày 15/05/2019 bà VTTH

cũng đã kí kết biên bản làm việc tại Ngân hàng xác nhận khoản nợ của ông S và xin Ngân hàng tạo điều kiện cho bà H trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng , bắt đầu từ tháng 5/2019.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với việc thanh toán chế độ đối với ông HVS. Tại công văn số 930/ TĐHB-TCKT ngày 01/9/2020 của Công ty Thủy điện HB, Tập đoàn điện lực Việt nam đã cung cấp thông tin: Ông HVS là công nhân phân xưởng Thủy công đã chết và tháng 9/2017. Công ty đã lập các tài liệu gồm phiếu chi và các quyết định về chế độ trợ cấp và hỗ trợ cho người lao động chết, hợp đồng lao động chấm dứt đối với ông HVS tổng số tiền 91.498.000 đ(Chín mươi một triệu , bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) và trên toàn bộ chứng từ có chữ kí xác nhận (ghi rõ họ tên) đã nhận đầy đủ số tiền chi trả chế độ là bà VTTH.

Hội đồng xét xử căn cứ điều 30,điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình ; Quy định của Bộ luật Dân sự điều 615 về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và điều 658 quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán thì bà VTTH là vợ của ông HVS là người trực tiếp kí kết nhận các khoản tiền thanh toán chi trả chế độ với công ty Thủy điện HB, bà H phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ ông HVS đã kí kết với Ngân hàng là đúng với quy định của pháp luật.

Bà VTTH phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26; khoản 1 điều 35, điều 39,điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 275,276,280,463,465,466,468, Bộ luật dân sự; điều 91,95 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi của ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh HB

Buộc bà VTTH phải trả khoản tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/2117154/HĐTC ngày 17/01/2017 do ông HVS đã kí kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh HB. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền:

Dư nợ gốc : 41.367.037 đ (Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm ba mươi bảy đồng)

Dư nợ lãi : 22.821.947 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi một đồng, chín trăm bốn mươi bảy đồng).

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 64.188.984 đ(Sáu mươi tư triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng)

2-Về án phí : Bà VTTH phải nộp 3.209.000 đ (Ba triệu hai trăm linh chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Gọi tắt là BIDV) – Chi nhánh HB được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 000 6883 ngày 23/6/2020 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố HB.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSNDTP HB;
- Chi cục THADS TP HB;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh HB;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mông Thị Dung

